

Số: 6103 /QĐ-CHK

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2013

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Hướng dẫn việc lập Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay

#### CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về Quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Căn cứ Quyết định số 94/2009/QĐ-TTg ngày 16/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam;
- Căn cứ vào Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành Hướng dẫn việc lập Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay với các nội dung trong phụ lục kèm theo.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, Giám đốc các cảng hàng không, sân bay của Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các PCT;
- CVHKMB,MT,MN;
- Các phòng QLHĐB, ANHK, TCATB, TTra HK;
- Lưu VT, QLC (H35b).

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Lại Xuân Thanh

**HƯỚNG DẪN**  
**VIỆC LẬP TÀI LIỆU KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**  
**(Kèm theo Quyết định số 6103 /QĐ-CHK ngày 17 /12/2013 của Cục trưởng**  
**Cục Hàng không Việt Nam)**

**I. Yêu cầu chung đối với Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay**

- Nội dung cơ bản của Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay được lập theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 16/2010/ TT-BGTVT ngày 30/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm phần tài liệu chính đề cập đến các nội dung cần thiết theo Hướng dẫn này kèm theo các hồ sơ tài liệu liên quan khác được dẫn chiếu trong tài liệu chính.

- Tài liệu được trình bày theo kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 trên khổ giấy A4, các bản vẽ gập theo khổ A4, đóng thành cặp tài liệu theo từng phần riêng biệt để thuận tiện cho công tác kiểm tra, theo dõi, cập nhật và phải được người khai thác cảng hàng không, sân bay ký và đóng dấu.

**II. Bố cục và nội dung Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm các phần như sau:**

**TRANG MỤC LỤC**

Nêu các đầu mục cơ bản của nội dung Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

**DANH SÁCH PHÂN PHỐI TÀI LIỆU**

<b>TT</b>	<b>Đơn vị, cá nhân sử dụng tài liệu</b>	<b>Số lượng (quyển)</b>	<b>Mã số</b>

## TRANG GHI NHẬN CÁC TU CHÍNH

<b>Ngày cập nhật</b>	<b>Tên các hạng mục và trang thay đổi</b>	<b>Ngày thay đổi</b>	<b>Ghi chú</b>

## TRANG DANH MỤC CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA ĐÃ THỰC HIỆN

<b>Ngày kiểm tra</b>	<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Kết quả kiểm tra</b>	<b>Tên người (tổ chức) kiểm tra</b>	<b>Đại diện Người khai thác CHK,SB</b>

## GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

## **Phần I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **1. Mục đích, yêu cầu và phạm vi áp dụng của Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay**

1.1 Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay là căn cứ cơ bản để Cục Hàng không Việt Nam thực hiện quy trình thẩm định cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Điều 51 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, Điều 13 và 14 Thông tư số 16/2010/ TT-BGTVT ngày 30/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm lập tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

1.2 Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay phải bao gồm các thông tin đầy đủ và chính xác về vị trí, hệ thống các trang thiết bị, dịch vụ, quy trình khai thác, kế hoạch khẩn nguy, hệ thống quản lý an toàn, hệ thống tổ chức nhân sự ... của cảng hàng không, sân bay được quy định tại Điều 15 Thông tư số 16/2010/ TT-BGTVT ngày 30/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải và các văn bản hướng dẫn khác do Cục Hàng không Việt Nam và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

1.3 Các thông tin trong Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay cần chứng minh được cảng hàng không, sân bay đáp ứng được các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia, các tiêu chuẩn và khuyến nghị thực hành của các tổ chức quốc tế như ICAO, IATA, ACI... để đảm bảo an toàn cho hoạt động của tàu bay và chất lượng dịch vụ cung cấp cho người sử dụng cảng hàng không, sân bay.

1.4 Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay còn tồn tại một số điều kiện thực tế chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định thì các điều kiện này cần được lập thành Danh mục không đáp ứng và ghi rõ trong Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy trình được hướng dẫn.

1.5 Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải tiến hành sửa đổi, bổ sung Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay khi có thay đổi liên quan đến các nội dung của Tài liệu để đảm bảo tính chính xác của các thông tin trong Tài liệu và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam xem xét chấp thuận các thay đổi này.

1.6 Các thông tin trong Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay là cơ sở để các cơ quan chức năng, lực lượng Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay thuộc Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không lập danh mục kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, khuyến nghị, các quy trình khai thác và chất lượng dịch vụ được cung cấp tại cảng hàng không, sân bay. Việc kiểm tra, giám sát sẽ được thực hiện trong quá trình thẩm định cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay và trong quá trình hoạt động khai thác thực tế của cảng hàng không, sân bay.

1.7 Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay còn đóng vai trò cung cấp các thông tin và hướng dẫn cần thiết thông qua việc mô tả các quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ làm cơ sở cho người đại diện/người được ủy quyền/ đối tác cung cấp dịch vụ/các nhân viên của người khai thác cảng hàng không, sân bay tham chiếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

## **2. Căn cứ pháp lý và tài liệu viện dẫn**

**Người khai thác cảng hàng không, sân bay nêu các căn cứ pháp lý và tài liệu viện dẫn như sau:**

### **2.1 Căn cứ pháp lý:**

- Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 06 năm 2006.
- Nghị định 83/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 05 năm 2007 của Chính phủ về Quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Nghị định 75/2007/NĐ-CP ngày 09/5/2007 của Chính phủ về điều tra tai nạn, sự cố tàu bay.
- Nghị định 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam;
- Quyết định số 44/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Phương án khẩn nguy tổng thể đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;
- Quyết định số 33/2012/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng không dân dụng;
  - *Thông tư số 14/2009/TT-BGTVT ngày 04/8/2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định việc báo cáo hoạt động và số liệu thống kê trong ngành hàng không;*
  - Thông tư số 19/2009/TT-BGTVT ngày 08 tháng 9 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về khí tượng hàng không dân dụng;
  - Thông tư số 28/2009/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về phương thức bay Hàng không dân dụng;
  - Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;
  - Thông tư số 19/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30/6/2010;
  - Thông tư số 28/2010/TT-BGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết về công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ;
  - Thông tư số 53/2011/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về an toàn hoạt động bay;
    - *Thông tư số 01/2012/TT-BGTVT ngày 09/01/2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về việc báo cáo tình hình khai thác nhiên liệu hàng không tại Việt Nam;*
  - Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT ngày 01 tháng 08 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không dân dụng Việt Nam và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không dân dụng;
  - Thông tư số 51/2012/TT-BGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bản đồ, sơ đồ hàng không;
  - Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng;

- Thông tư số 22/2013/TT-BGTVT ngày 23/8/2013 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về Bảo trì công trình hàng không dân dụng;

- Quyết định số 21/2007/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo "Quy chế thông báo tin tức hàng không";

- Quyết định số /QĐ-CHK ngày tháng năm 2013 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về việc Hướng dẫn lập Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

## 2.2 Tài liệu viện dẫn:

Các tài liệu của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế ICAO

- Phụ ước 2 về Quy tắc bay;
- Phụ ước 4 về Bản đồ, sơ đồ hàng không
- Phụ ước 5 về Đơn vị đo lường hàng không
- Phụ ước 10 về Thông tin liên lạc hàng không
- Phụ ước 11 về Dịch vụ điều hành bay
- Phụ ước 12 về Tìm kiếm cứu nạn
- Phụ ước 13 về Điều tra sự cố và tai nạn tàu bay
- Phụ ước 14 về Tiêu chuẩn và khuyến nghị thực hành (SARPs) về thiết kế và khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Phụ ước 15 về Dịch vụ thông báo tin tức hàng không;
- Phụ ước 17 về An ninh hàng không;
- Tài liệu hướng dẫn Cấp giấy chứng nhận khai thác (Doc 9774 –AN/969) của ICAO;
- Tài liệu hướng dẫn Thông báo tin tức Hàng không (Doc 8126 ICAO );
- Tài liệu hướng dẫn an ninh bảo vệ hàng không dân dụng ngăn chặn các hành vi can thiệp bất hợp pháp (Doc 8973 ICAO );
- Tài liệu Hướng dẫn Sổ tay quản lý an toàn (Doc 9859-AN/460- ICAO 2006).

## 3. Quy trình sửa đổi, bổ sung Tài liệu

**Người khai thác cảng hàng không, sân bay cần nêu rõ các nội dung dưới đây:**

3.1 Đơn vị có trách nhiệm quản lý, theo dõi cập nhật các nội dung thay đổi của Tài liệu.

3.2 Quy trình cập nhật, bổ sung Tài liệu.

3.3 Thời gian cập nhật, bổ sung Tài liệu.

## 4. Các điều kiện chung để khai thác cảng hàng không, sân bay

**Người khai thác cảng hàng không, sân bay công bố các điều kiện có thể sử dụng cho tàu bay cất, hạ cánh, cụ thể:**

4.1 Về tính chất khai thác (dân dụng hoặc dân dụng kết hợp quân sự; quốc tế, nội địa; tiếp nhận các chuyến bay thường lệ, không thường lệ; các tàu bay tư nhân, loại tàu bay khai thác...).

4.2 Về giờ hoạt động, tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của các cơ quan hoạt động tại cảng hàng không, sân bay (Người khai thác cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ Hàng không, hải quan, công an cửa khẩu, kiểm dịch, cơ sở thông báo tin tức hàng không, thủ tục bay, dịch vụ không lưu, khí tượng, cấp nhiên liệu, thương mại mặt đất, an ninh).

#### **5. Hệ thống thông báo tin tức hàng không hiện có và các thủ tục thông báo**

Mô tả hệ thống thông báo tin tức hàng không hiện có và các quy trình, thủ tục ban hành các bản tin.

#### **6. Hệ thống thống kê hoạt động cất hạ cánh của tàu bay tại cảng hàng không, sân bay**

Nêu các cơ quan có chức năng thống kê số lần hoạt động cất, hạ cánh của tàu bay.

#### **7. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Người khai thác cảng hàng không, sân bay**

Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải ghi cụ thể các nhiệm vụ, quyền hạn của mình có liên quan đến an ninh, an toàn và các hoạt động khai thác bao gồm các nội dung chính sau:

1. Đảm bảo tính chính xác của các thông tin được đề cập trong Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định.

2. Triển khai thực hiện hoạt động khai thác và cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay theo đúng các quy trình được nêu trong Tài liệu khai thác được phê duyệt.

3. Tuyển dụng và đảm bảo đầy đủ số lượng cán bộ, nhân viên hàng không có đủ năng lực để thực hiện hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay (bao gồm việc sử dụng các nhân viên hàng không có đầy đủ chứng chỉ chuyên môn và giấy phép theo quy định của pháp luật).

4. Triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát nội bộ để đảm bảo an toàn và hiệu quả các hoạt động trên cảng hàng không, sân bay.

5. Cung cấp các hồ sơ tài liệu và phối hợp với lực lượng giám sát viên an toàn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các hệ thống trang thiết bị, cung cấp dịch vụ vì mục tiêu đảm bảo an ninh, an toàn hàng không.

6. Các nội dung khác...

## **PHẦN II**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

#### **1. Tên cảng hàng không, sân bay**

#### **2. Vị trí cảng hàng không, sân bay**

Mô tả địa danh nơi có cảng hàng không, sân bay, khoảng cách đến trung tâm thành phố, thị xã.

#### **3. Tọa độ điểm quy chiếu sân bay**

Xác định theo hệ thống trắc địa toàn cầu - 1984 (WGS - 84) - .....Kinh độ Đông (Đ), ...Vĩ độ Bắc (B), độ chính xác tính đến giây.

#### **4. Mức cao sân bay và địa thế cảng hàng không, sân bay**

Mức cao sân bay so với mực nước biển trung bình (...m) và Địa thế cảng hàng không, sân bay.

#### **5. Cấp cứu hỏa sân bay**

Theo Phụ ước 14 của ICAO (ví dụ Cấp 6)

#### **6. Nhiệt độ tham chiếu tại cảng hàng không, sân bay**

Là nhiệt độ trung bình trong tháng đo lúc 13 giờ của tháng nóng nhất trong năm, căn cứ số liệu thống kê ít nhất trong 10 năm (°C).

#### **7. Tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc (24/24 giờ) của Người khai thác cảng/đại diện Người khai thác cảng hàng không, sân bay**

#### **8. Các loại bản vẽ, bản đồ, sơ đồ**

- Bản vẽ mặt bằng hiện trạng của cảng hàng không, sân bay chỉ rõ các khu vực tại cảng hàng không, sân bay như: khu bay, nhà ga, đài kiểm soát không lưu, khu vực dịch vụ kỹ thuật, khu hoạt động khác và các thiết bị dẫn đường hàng không liên quan đến khai thác cảng hàng không, sân bay...bao gồm cả vị trí của các cột ống gió với tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ ranh giới cảng hàng không, sân bay với tỷ lệ 1/5.000.

- Bản đồ chỉ vị trí tương đối của cảng hàng không, sân bay đến trung tâm thành phố, thị xã và vị trí các công trình, cơ sở, thiết bị khai thác nằm ngoài hàng rào cảng hàng không, sân bay với tỷ lệ từ 1/10.000 đến 1/25.000.

- Sơ đồ chướng ngại vật sân bay - loại A.

- Sơ đồ chướng ngại vật sân bay - loại B (tại các sân bay quốc tế).

- Sơ đồ địa hình tiếp cận chính xác (đối với đường CHC tiếp cận chính xác CATII và III).

- Sơ đồ sân bay, sân bay trực thăng.

- Sơ đồ hướng dẫn di chuyển mặt đất.

- Sơ đồ sân đỗ, vị trí đỗ tàu bay.

- Sơ đồ giới hạn độ cao chướng ngại vật hàng không.

#### **9. Các chi tiết sử dụng đất cảng hàng không, sân bay**

- Tổng diện tích đất của cảng hàng không, sân bay.

- Diện tích đất do quân sự quản lý.



- Diện tích đất do hàng không dân dụng quản lý.
- Phân diện tích sử dụng chung giữa hàng không dân dụng và quân sự.

### PHẦN III

#### CÁC THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

**Chú ý: Độ chính xác của thông tin phần III là sự phù hợp giữa giá trị tính toán hoặc đo đạc so với giá trị thực. Các thông tin cần được khảo sát và đánh giá kỹ thuật của các cơ quan chức năng trước khi đưa vào Tài liệu.**

**1. Đường cất hạ cánh:** Nêu cụ thể cho từng đường cất hạ cánh

1.1 Hướng từ: ví dụ 93°-273° (chính xác đến 1% độ).

1.2 Độ lệch từ (chính xác đến 1% độ), thời điểm khảo sát và mức độ thay đổi hàng năm.

1.3 Ký hiệu đường cất hạ cánh: ví dụ 25L-07R.

1.4 Mã hiệu theo Phụ ước 14 ICAO: ví dụ 4E.

1.5 Kích thước (làm tròn đến đơn vị mét gần nhất):

- Chiều dài (...m).

- Chiều rộng (...m).

1.6 Độ dốc dọc trung bình và độ dốc ngang điển hình.

1.7 Tọa độ, mức cao ngưỡng (đến m đối với đường CHC tiếp cận giản đơn và đến 1/4m đối với đường CHC tiếp cận chính xác) và vị trí ngưỡng chuyển dịch theo WGS - 84 (chính xác đến % giây).

1.8 Loại mặt đường, sức chịu tải công bố theo phương pháp ACN/PCN.

1.9 Vùng không có chướng ngại vật (OFZ) trong trường hợp tiếp cận hạ cánh chính xác.

1.10 Các cự ly công bố: +Sơ đồ thể hiện các cự ly công bố

+TORA, TODA, ASDA, LDA

1.11 Mô tả vị trí (tọa độ WGS-84) và độ cao của các chướng ngại vật ảnh hưởng nhất trong các khu vực tiếp cận hạ cánh, cất cánh, vòng chờ, khu vực lân cận sân bay và các chướng ngại vật vi phạm bề mặt giới hạn chướng ngại vật (các thông tin trên được trình bày dưới dạng các sơ đồ được mô tả trong các Phụ ước 4 và 15 của ICAO).

1.12 Các hạng mục của đường cất hạ cánh (chiều dài, chiều rộng, loại mặt đường, độ dốc) của các hạng mục sau (làm tròn đến m gần nhất):

- Dải bay.

- Các dải bảo hiểm.

- Dải hãm phanh đầu.

- Khoảng trống.

1.13 Lựa chọn và sử dụng đường cất hạ cánh (nguyên tắc lựa chọn, thẩm quyền xác định đường CHC, những hạn chế và lưu ý khi sử dụng đường CHC...)

1.14. Sơ đồ chướng ngại vật sân bay loại A

**2. Đường lăn:** Nêu cụ thể cho từng đường lăn

2.1 Ký hiệu và mô tả vị trí tương đối.

2.2 Kiểu loại: Đường lăn song song, Đường lăn cao tốc, Đường lăn nối...

2.3 Loại mặt đường, sức chịu tải theo phương pháp ACN/PCN.

2.4 Kích thước (làm tròn đến m gần nhất):

- Chiều dài (...m).

- Chiều rộng (...m).

2.5 Những hạn chế khi lăn

### **3. Sân đỗ**

3.1 Ký hiệu.

3.2 Kiểu loại (sân đỗ tàu bay phục vụ hành khách, hàng hóa, xưởng bảo dưỡng, biệt lập...).

3.3 Vị trí và số lượng vị trí đỗ tàu bay, phương án khai thác sân đỗ tàu bay, sơ đồ vận hành tàu bay, vị trí các khu vực bố trí thiết bị mặt đất trên sân đỗ, neo chống bão (có sơ đồ kèm theo).

3.4 Tọa độ các vị trí đỗ tàu bay (đo tại điểm dừng càng trước tàu bay theo WGS-84 - chính xác đến % giây).

3.5 Loại tầng phủ, sức chịu tải theo phương pháp PCN/ACN.

3.6 Những hạn chế/lưu ý tại sân đỗ

**4. Đài kiểm soát không lưu/ đài kiểm soát tại sân và các cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu khác** (nêu các thông tin về cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật theo giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu). Dịch vụ, phạm vi trách nhiệm, thời gian..

### **5. Thông tin về các thiết bị phụ trợ dẫn đường, bao gồm:**

5.1 Các thiết bị dẫn đường (bay bằng mắt - VFR, thiết bị tiếp cận đơn giản, thiết bị tiếp cận chính xác cấp 1, 2, 3 theo quy định của ICAO).

a. Loại, ký hiệu

b. Vị trí: - Tọa độ

- Tương đối

c. Tần số

d. Chế độ làm việc

5.2 Thiết bị trợ giúp bằng mắt trong phương thức tiếp cận: Loại đèn tiếp cận và đèn chỉ thị độ dốc tiếp cận (PAPI, APAPI, T-VASIS hoặc AT-VASIS).

a. Loại, ký hiệu

b. Vị trí: - Tọa độ

- Tương đối

c. Tần số

d. Chế độ làm việc

5.3 Các hệ thống đèn đường cất hạ cánh, đèn đường lăn, đèn sân đỗ tàu bay.

a. Loại, ký hiệu

b. Vị trí: - Tọa độ

- Tương đối

c. Tần số

d. Chế độ làm việc

5.4 Các hệ thống hỗ trợ và chỉ dẫn khác, các hệ thống điều khiển trên đường lăn, sân đỗ tàu bay, bao gồm cả các điểm chờ trước đường cất hạ cánh các vạch dừng cũng như vị trí và chủng loại thiết bị hướng dẫn bằng mắt.

a. Loại, ký hiệu

b. Vị trí: - Tọa độ  
- Tương đối

c. Tần số

d. Chế độ làm việc

5.5 Hệ thống cấp điện dự phòng; thời gian chuyển đổi từ điện lưới quốc gia sang nguồn điện dự phòng.

**6. Vị trí của các điểm kiểm tra đài VOR tại sân và tần số vô tuyến**

**7. Vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất**

**8. Vị trí và cao độ các điểm kiểm tra độ cao trước chuyển bay**

**9. Hệ thống giao thông nội cảng hàng không, sân bay**

9.1 Giao thông tại khu bay

9.2 Giao thông ngoài khu bay

**10. Nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa**

10.1 Mặt bằng bố trí các khu vực trong nhà ga: Nêu rõ diện tích từng khu vực.

- Khu vực làm thủ tục cần thiết theo quy trình phục vụ hành khách, hành lý, hàng hóa.

- Khu vực làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Khu vực dành cho hành khách không đủ điều kiện nhập cảnh (đối với CHK quốc tế).

- Khu vực hành lý thất lạc.

- Quầy hướng dẫn thông tin chung cho hành khách.

- Khu vực trợ giúp y tế, sơ cứu ban đầu.

- Khu vực quảng cáo, cung cấp dịch vụ phi hàng không.

10.2 Các hệ thống thiết bị phục vụ hành khách, hàng hóa, hành lý:

- Hệ thống thiết bị làm thủ tục hàng không.

- Hệ thống điện.

- Hệ thống điều hòa.

- Hệ thống thang máy, thang cuốn, thang nâng hàng.

- Hệ thống cầu ông lồng.

- Hệ thống băng chuyền hành lý.

- Hệ thống quản lý hàng hóa.

- Hệ thống thiết bị kiểm tra an ninh hàng không.

- Hệ thống thiết bị làm thủ tục xuất nhập cảnh (đối với cảng hàng không quốc tế).
- Hệ thống thiết bị làm thủ tục hải quan (đối với cảng hàng không quốc tế).
- Hệ thống thông tin.
- Hệ thống thông báo.
- Hệ thống biển báo.
- Hệ thống camera giám sát khu vực công cộng, khu vực hạn chế làm thủ tục, xử lý hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu kiện.
- Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy, khẩn nguy.

### **11. Hạ tầng cung cấp nhiên liệu tàu bay**

Người khai thác cảng hàng không, sân bay yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp nhiên liệu tàu bay tại cảng hàng không, sân bay cung cấp những nội dung sau:

- 11.1 Số lượng kho, bồn chứa nhiên liệu; dung tích kho, bồn và sơ đồ bố trí.
- 11.2 Trạm tiếp nạp, cấp phát nhiên liệu; sơ đồ bố trí.
- 11.3 Hệ thống đường ống cung cấp nhiên liệu tại sân đỗ tàu bay; sơ đồ bố trí.
- 11.4 Phương án, phương thức cung cấp nhiên liệu.

### **12. Hệ thống cấp điện**

- 12.1 Hệ thống cấp điện nguồn thường xuyên.
- 12.2 Hệ thống cấp điện dự phòng.
- 12.3 Chế độ chuyên đổi

### **13. Hệ thống cấp, thoát nước**

- 13.1 Hệ thống cấp nước sạch sử dụng tại cảng hàng không, sân bay, quy định kiểm tra chất lượng nước.
- 13.2 Hệ thống thoát nước
  - Hệ thống thoát nước khu bay.
  - Hệ thống thoát nước tổng thể cảng hàng không, sân bay.
  - Các điểm kết nối giữa hệ thống thoát nước khu bay, hệ thống thoát nước cảng hàng không với hệ thống thoát nước của địa phương.
  - Công suất thiết kế của hệ thống thoát nước đáp ứng với lượng mưa cao nhất.
  - Quy định xử lý nước thải trước khi thoát vào hệ thống thoát nước công cộng.
  - Quy trình chống đột nhập qua hệ thống thoát nước.

### **14. Hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không**

Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải nêu rõ các hạng mục được xây dựng tại cảng hàng không, sân bay phục vụ công tác phòng ngừa và đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng theo quy định.

### **15. Hàng rào cảng hàng không, sân bay**

15.1 Hàng rào vành đai cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

15.2 Hàng rào bao quanh khu vực hạn chế, trừ các khu vực hạn chế trong nhà ga.

## **16. Vọng gác, đường tuần tra, cổng, thanh chắn (barrier), cửa tại cảng hàng không, sân bay**

### 16.1 Vọng gác

Nêu rõ số lượng, vị trí, sơ đồ vọng gác bố trí tại các cổng ra vào và dọc theo hàng rào vành đai cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và khu vực hạn chế khác (trừ khu vực hạn chế trong nhà ga).

### 16.2 Hệ thống đường tuần tra.

### 16.3 Hệ thống cổng, cửa ra/vào khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay.

## **17. Hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay**

### 17.1 Trạm cứu hỏa

17.2 Phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác khẩn nguy; dung tích nước, bọt.

### 17.3 Hệ thống đường phục vụ công tác khẩn nguy

### 17.4 Hàm xử lý bom, mìn; vị trí đỗ biệt lập

### 17.5 Trung tâm khẩn nguy sân bay

## **18. Hệ thống chiếu sáng**

### 18.1 Hệ thống đèn chiếu sáng sân đỗ.

### 18.2 Hệ thống chiếu sáng hàng rào và các cổng ra vào.

### 18.3 Nguồn điện dự phòng cho hệ thống chiếu sáng.

## **19. Các dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay**

Đơn vị cung cấp, loại hình dịch vụ cung cấp, trang thiết bị, năng lực cung cấp.

## **20. Các dịch vụ phi hàng không**

Đơn vị cung cấp, loại hình dịch vụ cung cấp kèm theo bản vẽ chi tiết các khu vực bố trí mặt bằng cung cấp dịch vụ phi hàng không trong khu vực khu vực nhà ga hành khách và trong cảng hàng không, sân bay.

## **21. Các thông tin đặc biệt cần lưu ý**

Các thông tin đặc biệt (nếu có) của từng cảng hàng không, sân bay có ảnh hưởng đến an toàn hoạt động bay.

## **22. Danh mục không đáp ứng**

Nội dung chính của Danh mục không đáp ứng là các điều kiện hiện trạng của cảng hàng không, sân bay liên quan trực tiếp đến đảm bảo an toàn khai thác và cung cấp dịch vụ của cảng hàng không, sân bay tham chiếu đến các tiêu chuẩn/quy định hiện hành gồm:

- Yêu cầu về kích thước, cự ly giãn cách, hệ thống biển báo, đèn chỉ dẫn, biển chỉ dẫn, sơn kẻ tín hiệu của hệ thống đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ và giao thông nội cảng hàng không, sân bay.
- Yêu cầu đối với hệ thống cấp điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước.
- Yêu cầu đối với hạ tầng đảm bảo an ninh hàng không
- Yêu cầu đối với hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay.
- Yêu cầu về quản lý chướng ngại vật hàng không

Danh sách các mục không đáp ứng cần chỉ rõ các nội dung không đáp ứng, đánh giá rủi ro, đưa ra các biện pháp phòng ngừa nguy cơ gây mất an toàn khai thác, thời hạn khắc phục các danh mục không đáp ứng.

### NỘI DUNG DANH MỤC KHÔNG ĐÁP ỨNG

TT	Nội dung không đáp ứng	Tham chiếu các tiêu chuẩn/ quy định hiện hành	Đánh giá rủi ro	Biện pháp phòng ngừa nguy cơ gây mất an toàn khai thác	Thời hạn khắc phục	Ghi chú

## **Phần IV**

# **THUYẾT MINH VỀ QUY TRÌNH KHAI THÁC, CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH, AN TOÀN KHAI THÁC, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

### **1. Báo cáo các thông tin hàng không**

Quy trình báo cáo tin tức hàng không:

1.1 Thông báo các phương thức cập nhật tin tức hàng không được cơ quan thông báo tin tức hàng không phát hành và các thủ tục phát hành NOTAM phù hợp với Quy chế thông báo tin tức hàng không.

Các thay đổi đột xuất về điều kiện khai thác của cảng hàng không, sân bay phải được Người khai thác cảng thông, sân bay thông báo kịp thời cho cơ sở thông báo tin tức hàng không để phát hành các tin tức hàng không theo quy định.

1.2 Tên, chức vụ và số điện thoại (24/24 giờ) của người chịu trách nhiệm theo dõi, ghi nhận các thay đổi về tin tức hàng không.

1.3 Địa chỉ và số điện thoại (24/24 giờ) của cơ quan thuộc Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận các tin tức hàng không.

### **2. Các biện pháp bảo đảm an ninh**

Thực hiện theo các quy định bảo đảm an ninh tại Chương trình an ninh cảng hàng không, sân bay đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số ...../QĐ-CHK ngày tháng năm

### **3. Công tác ứng phó với các tình huống khẩn nguy**

Thực hiện theo các quy định tại Kế hoạch khẩn nguy sân bay đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số ...../QĐ-CHK ngày tháng năm

### **4. Kiểm tra khu bay và các bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong sân bay**

Các quy trình bao gồm:

4.1 Các quy trình kiểm tra thường kỳ trên khu bay và kiểm tra các bề mặt giới hạn chướng ngại vật, bao gồm:

- Cơ quan chịu trách nhiệm. Tên, chức vụ và số điện thoại của những người phụ trách kiểm tra.

- Các quy định kiểm tra, các nội dung kiểm tra, đối tượng kiểm tra (danh mục các hạng mục kiểm tra kể cả tình trạng mặt đường), thời gian kiểm tra và tần suất kiểm tra. Quy trình báo cáo và các biện pháp khắc phục.

- Nhật ký kiểm tra, cơ quan lưu giữ nhật ký.

4.2 Các quy trình và phương tiện liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu trong thời gian kiểm tra khu bay.

### **5. Quy trình bảo trì các hệ thống trợ giúp bằng mắt và hệ thống cấp điện cảng hàng không, sân bay**

Các quy trình bao gồm:



5.1 Nêu các quy trình kiểm tra và bảo trì đèn hàng không (bao gồm cả đèn báo hiệu vật chướng ngại), đèn chiếu sáng, các bảng tín hiệu, báo hiệu, chỉ chuẩn và hệ thống cấp điện mạch vòng, bao gồm:

- Quy trình kiểm tra trong và ngoài giờ hoạt động của cảng hàng không, sân bay. Liệt kê nội dung và thời gian các cuộc kiểm tra đó.

- Ghi chép kết quả các cuộc kiểm tra và các biện pháp sửa chữa.

5.2 Quy trình bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa khẩn cấp.

5.3 Tên, số điện thoại của người chịu trách nhiệm về kiểm tra và bảo dưỡng các hệ thống nêu trên.

## **6. Bảo trì khu bay**

Nội dung của công tác đảm bảo an toàn khai thác trong khi thực hiện công tác bảo trì khu bay bao gồm:

6.1 Các quy trình bảo trì đường cất, hạ cánh, dải bảo hiểm, đường lăn, sân đỗ, các hệ thống thoát nước và phòng phụt cho động cơ tàu bay.

6.2 Phương thức thông báo cho cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu về khu vực bảo trì, thời gian bảo trì.

6.3 Tên, địa chỉ đơn vị, cá nhân phụ trách bảo trì, bảo dưỡng khu bay.

## **7. An toàn thi công xây dựng tại cảng hàng không, sân bay**

Nêu quy trình lập và phê chuẩn kế hoạch thi công xây dựng gồm các hoạt động sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, lắp đặt thiết bị và bảo trì sân bay (bao gồm cả các công trình xây dựng đột xuất trong khu bay và khu vực lân cận):

- Công tác chuẩn bị, phương thức liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu trong quá trình xây dựng công trình.

- Phương án kiểm soát người, phương tiện ra, vào, hoạt động trong khu vực thi công.

- Tên, số điện thoại và chức vụ của những tổ chức và cá nhân phụ trách thi công xây dựng công trình và các quy định thiết lập liên lạc với họ trong mọi thời điểm.

7.3 Tên, số điện thoại và chức vụ của những đơn vị khai thác tại khu bay, các hãng phục vụ mặt đất và các hãng hàng không cần được thông báo về việc xây dựng công trình.

## **8. Quản lý sân đỗ tàu bay**

Các quy trình liên quan tới:

8.1 Phân chia trách nhiệm quản lý, phối hợp giữa các cơ quan của Người khai thác cảng hàng không, sân bay và cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu.

8.2 Phân bổ các vị trí đỗ.

8.3 Các quy định về kéo dặt tàu bay và khởi động động cơ.

8.4 Dịch vụ đỗ tàu bay.

8.5 Dịch vụ dẫn dắt tàu bay.

8.6 Dịch vụ đánh tín hiệu cho tàu bay lăn.

8.7 Quy trình phục vụ chuyên cơ.

8.8 Quy trình kéo/đẩy tàu bay.

8.9 Phương thức liên lạc trong khu vực sân đỗ.

## **9. Quản lý an toàn sân đỗ**

Các biện pháp quản lý an toàn sân đỗ của Người khai thác cảng hàng không, sân bay như sau:

9.1 Các quy trình liên quan tới:

- Phòng luồng khí xả đối với động cơ phản lực.
- Các biện pháp bảo vệ trong quá trình tiếp nhiên liệu.
- Vệ sinh sân đỗ.
- Các biện pháp kiểm tra an toàn cho nhân viên làm việc trên sân đỗ.
- Báo cáo về tai nạn, sự cố uy hiếp an toàn xảy ra trên sân đỗ.

9.2 Trong trường hợp các hoạt động nêu trên được giao cho đối tác khác thực hiện thì nêu các quy trình của các đối tác đó và biện pháp giám sát, kiểm tra của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

## **10. Kiểm tra phương tiện, trang thiết bị hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay**

Người khai thác cảng hàng không, sân bay nêu các quy trình, biện pháp kiểm soát hoạt động trong khu bay như sau:

10.1 Các quy trình liên quan tới:

- Các biện pháp áp dụng cho giao thông, quy tắc giao thông (bao gồm hạn chế tốc độ, phương tiện, trang bị hướng dẫn thực hành quy tắc).

- Cấp Giấy phép cho phương tiện, trang thiết bị hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay; cấp giấy phép cho nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

- Đào tạo, huấn luyện nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay.

- Quản lý tai nạn và sự cố: Thống kê và biện pháp khắc phục.

- Kế hoạch phát triển phương tiện của đơn vị.

10.2 Các biện pháp của nhà chức trách quy định cho các đối tác để tuân thủ các quy định đi lại trong khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

## **11. Quản lý các nguy cơ gây mất an toàn do động vật gây ra**

Các biện pháp phòng ngừa nguy cơ gây mất an toàn do động vật gây ra bao gồm:

11.1 Xác định vị trí các nơi nhốt, giữ và chặn thả động vật của địa phương. Xác định các lối đi động vật có thể xâm nhập khu bay.

11.2 Đánh giá về các rủi ro do động vật gây ra. Phương án kiểm soát động vật.

11.3 Xác định chu kỳ di cư của chim.

11.4 Các biện pháp quản lý và ngăn ngừa. Tần suất của các hoạt động ngăn ngừa cũng như phương tiện thực hiện.

11.5 Tên, số điện thoại (24/24 giờ) của những người phụ trách xử lý các nguy cơ gây mất an toàn do động vật gây ra.

## **12. Quản lý chương ngại vật hàng không**

Các chỉ dẫn về kiểm tra và thông báo các chương ngại vật hàng không trong và ngoài sân bay, bao gồm:

12.1 Các quy định về bề mặt giới hạn chương ngại vật (kèm theo sơ đồ).

12.2 Phạm vi, quyền hạn của Người khai thác cảng hàng không, sân bay trong việc kiểm soát chương ngại vật.

12.3 Kiểm soát và quản lý các công trình xây dựng, vật kiến trúc trong bề mặt giới hạn chương ngại vật của cảng hàng không, sân bay (bao gồm trong ranh giới và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay).

12.4 Quy trình báo cáo Cục Hàng không Việt Nam về chủng loại, vị trí, việc xuất hiện mới hay tháo dỡ các vật chương ngại để có biện pháp cần thiết kể cả cập nhật vào các bản tin thông báo tin tức hàng không.

## **13. Di chuyển tàu bay bị hư hỏng**

Phương án di chuyển tàu bay bị hư hỏng trên khu bay hoặc khu vực lân cận bao gồm:

13.1 Vai trò của Người khai thác cảng hàng không, sân bay và Người khai thác tàu bay đối với tàu bay bị hư hỏng.

13.2 Quy trình thông báo cho người có đăng ký tàu bay bị hư hỏng.

13.3 Quy trình liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu.

13.4 Bố trí sắp xếp nhân viên và phương tiện để di chuyển tàu bay bị hư hỏng.

13.5 Quy trình di chuyển tàu bay bị hư hỏng

13.6 Tên, chức vụ và số điện thoại của các cán bộ phụ trách việc sắp xếp, di chuyển tàu bay bị hư hỏng.

## **14. Quản lý vật phẩm nguy hiểm**

Các quy trình quản lý và cất giữ các vật phẩm nguy hiểm trên cảng hàng không, sân bay bao gồm:

14.1 Các quy định về nơi cất giữ, bảo đảm an toàn vận chuyển và kho cất giữ các chất lỏng dễ cháy (kể cả nhiên liệu hàng không) và các vật liệu nguy hiểm khác.

14.2 Các quy định về các biện pháp và phương tiện kiểm soát, lưu giữ, phân phối và xử lý các vật nguy hiểm.

*Ghi chú: Vật phẩm nguy hiểm bao gồm các chất lỏng và các chất rắn dễ cháy, các chất ăn mòn, các loại khí nén và các vật liệu từ hóa (nhiễm từ) hay phóng xạ. Các quy định liên quan đến xử lý rò rỉ của vật liệu nguy hiểm cũng cần nêu trong kế hoạch khẩn nguy của cảng hàng không, sân bay.*

## **15. Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế**

Người khai thác cảng hàng không, sân bay cần nêu các nội dung để hướng dẫn khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế như sau:

15.1 Các quy trình hướng dẫn khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế, kể cả đo đạc và báo cáo về tầm nhìn của đường cất, hạ cánh. *(bao gồm việc hạn chế các hoạt động thi công xây dựng tại các khu vực gần các hệ thống điện của cảng hàng không sân bay)*

15.2 Tên, số điện thoại (24/24h) của người phụ trách đo tầm nhìn của đường cất hạ cánh.

## **16. Đảm bảo hoạt động của Radar và các thiết bị dẫn đường**

Các quy trình bảo vệ vị trí radar và phương tiện dẫn đường vô tuyến tại cảng hàng không, sân bay để không gây cản trở hoạt động chính xác của các thiết bị đó, bao gồm:

16.1 Kiểm soát các hoạt động xung quang vị trí radar và các phương tiện dẫn đường vô tuyến.

16.2 Các quy định bảo trì mặt đất xung quang các thiết bị.

16.3 Quy định về lắp đặt các bảng báo hiệu về bức xạ sóng cực ngắn nguy hiểm.

*Ghi chú 1: Khi lập quy trình cho từng chủng loại, cần thông tin chính xác và rõ ràng về:*

- Trong trường hợp nào cần thực hiện quy trình bảo vệ.
- Nội dung chi tiết của quy trình bảo vệ.
- Các biện pháp thực hiện.
- Đơn vị thực hiện.
- Thiết bị cần thiết để thực hiện và đường vào vị trí các thiết bị này.

*Ghi chú 2: Nếu bất kỳ quy định nào nêu trên không phù hợp cần nêu rõ lý do.*

16.4 Sơ đồ các bề mặt giới hạn chướng ngại vật đảm bảo hoạt động bình thường của các thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát

## **17. Khí tượng hàng không**

Người khai thác cảng hàng không, sân bay cần nêu các quy trình sau đây:

17.1 Các quy trình liên quan đến việc cung cấp dịch vụ khí tượng hàng không cho người sử dụng.

17.2 Các quy trình liên quan tới việc phối hợp với các cơ quan cung cấp dịch vụ khác.

17.3 Các quy trình liên quan tới bảo trì các thiết bị và kết cấu hạ tầng khí tượng.

## **18. Quản lý môi trường tại cảng hàng không, sân bay**

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số... ngày...tháng.... năm *(kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Đề án bảo vệ môi trường)*.

- Nêu hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của cảng hàng không, sân bay; quy trình thu gom, phân loại chất thải tại cảng hàng không, sân bay.

- Triển khai xây dựng bản đồ tiếng ồn (*nêu lộ trình thực hiện*).
- Phê duyệt Hệ thống quản lý môi trường (*nêu lộ trình thực hiện*).
- Ban hành kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường (*nêu lộ trình thực hiện*).
- Lập, quản lý hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác bảo vệ môi trường theo Điều 20 Thông tư 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2013 (*nêu danh mục hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác bảo vệ môi trường*).
- Thông tin liên lạc của bộ phận quản lý môi trường tại cảng hàng không, sân bay:
  - + Tên Bộ phận
  - + Người phụ trách
  - + Số điện thoại.

### **19. Báo cáo an toàn hàng không:**

Người khai thác cảng hàng không, sân bay thực hiện việc báo cáo an toàn hàng không theo quy định tại Quyết định số /QĐ-CHK ngày / /2013 của Cục trưởng Cục hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế báo cáo an toàn hàng không.

### **20. Đảm bảo an toàn đường cất hạ cánh**

Nêu các biện pháp đảm bảo an toàn đường cất hạ cánh và quy trình thực hiện các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm tại Quyết định số 349/QĐ-BGTVT ngày 05/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Chương trình an toàn đường cất hạ cánh (bao gồm nhân sự tổ công tác, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện).

**Phần V**  
**TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN**  
**CỦA CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**

**1. Tổ chức hành chính của cảng hàng không, sân bay**

Người khai thác cảng hàng không, sân bay nêu chi tiết về tổ chức hành chính của cảng hàng không, sân bay bao gồm:

1.1 Sơ đồ tổ chức cảng hàng không, sân bay, trong đó ghi rõ tên, cấp bậc, trách nhiệm của các cán bộ phụ trách các Ban, Phòng nghiệp vụ liên quan đến các hoạt động khai thác và cung cấp dịch vụ.

1.2 Tên, chức vụ và số điện thoại của người chịu trách nhiệm chung về an toàn cảng hàng không, sân bay.

1.3 Nêu quy chế phối hợp và trợ giúp của các chi nhánh cấp 1 trong khu vực đối với các chi nhánh cấp 2, 3 trong việc đảm bảo an ninh, an toàn khai thác và cung cấp dịch vụ.

**2. Hệ thống quản lý an toàn**

Tham chiếu Tài liệu hệ thống quản lý an toàn (SMS) đã được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số ...../QĐ-CHK ngày        tháng năm